

Bản án số: 94/2021/DS-ST

Ngày: 03-8-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thái;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 4, xã HC, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông có quan hệ quen biết với chị Trần Thị H là em chồng bà Lê Thị Y. Do được chị H giới thiệu, bà Y đã hỏi vay tiền, vàng của ông nhiều lần, cụ thể: Ngày 08/3/2011, ông cho bà Y vay 40.000.000 đồng. Ngày 09/5/2012, ông cho bà Y vay 10 chỉ vàng, bà Y nói lý do để mở xưởng gỗ ở nhà. Ngày 18/12/2012, ông cho bà Y vay tiếp 10 chỉ vàng, bà Y nói lý do vay để cho con đang làm ăn ở Sài Gòn. Tổng cộng bà Y đã vay của ông 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999; các lần vay tiền, vay vàng bà Y đều tự viết giấy biên nhận và ký tên. Khi vay không

thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi thỏa thuận miệng. Hai lần vay ngày 08/3/2011 và ngày 09/5/2012 thì chị Trần Thị H trực tiếp dẫn bà Y đến nhà ông hỏi vay. Lần vay ngày 18/12/2012 thì bà Y đi một mình. Sau khi vay bà Y trả lãi được khoảng 01 – 02 năm nhưng ông không nhận lãi từ bà Y mà cho chị H nhận sử dụng. Đến ngày 12/11/2017 bà Y viết giấy chót nợ, công nhận còn nợ của ông số tiền 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng, hẹn trả dần đến tháng 11 âm lịch năm 2018 trả trước 20 triệu đồng nhưng bà Y không thực hiện.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999; không yêu cầu tính lãi. Chồng bà Y là ông Trần Thế H không hỏi vay nên ông không yêu cầu ông H trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021, bị đơn bà Lê Thị Y trình bày:

Bà công nhận quen biết với ông T thông qua chị Trần Thị H là em chồng bà; bà không nhớ chính xác thời gian nhưng bà công nhận có nhờ chị H dẫn đến nhà ông T vay tiền, vàng hai lần, còn một lần bà tự đi một mình vay ông T tổng số tiền là 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999; khi vay có viết giấy biên nhận đưa cho ông T giữ, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận miệng lãi tiền là 40%/tháng, lãi vàng là 150.000 đồng/chỉ/tháng. Bà trả lãi cho ông T thông qua chị Trần Thị H, không biết ông T có cho lãi chị H hay không. Bà đã trả lãi cho ông T được khoảng 05 năm và đã trả được 10 chỉ vàng gốc nhưng không nhớ đã trả thời gian nào, do sơ suất không lấy lại giấy vay gốc. Do bà chơi lô đề bị vỡ nợ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà bỏ đi vào tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm ăn, khoảng vài tháng mới về thăm nhà một lần. Đến tháng 03/2021 bà về nhà ở cho đến nay và đi làm thuê tại trị trấn T, huyện Hải Hậu.

Năm 2017 bà gặp ông T đến nhà thăm mẹ chồng bà bị ốm, bà nói đang gặp khó khăn xin ông T xóa hết nợ còn lại được ông T đồng ý, từ đó ông T không đòi nợ bà nữa. Nay ông T nói không cho xóa nợ, yêu cầu bà trả nợ thì bà yêu cầu trừ đi 10 chỉ vàng đã trả ông T, số còn lại là 40.000.000 đồng và 10 chỉ vàng thì bà đồng ý sẽ trả nợ cho ông T nhưng hiện nay bà không có công việc ổn định, gia đình gặp khó khăn không hỗ trợ được trả nợ vì bà còn nợ rất nhiều người nên bà xin được trả nợ dần cho ông T mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Nếu ông T không chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về địa chỉ hiện nay của chị H bà chỉ biết chị H đi lấy chồng sống ở thành phố N, tỉnh Nam Định nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Anh T đòi nợ đối với bà Lê Thị Y. Buộc bà Lê Thị Y trả cho ông Nguyễn Anh T 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999. Bà Y phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Anh T khởi kiện bà Lê Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Lê Thị Y có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố số 4, thị trấn C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về luật áp dụng: Giao dịch dân sự vay tài sản giữa ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Y được xác lập vào năm 2011 và năm 2012, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khởi kiện nếu có một trong các đương sự có yêu cầu và phải yêu cầu trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Do không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[5] Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T trình bày, năm 2011 và năm 2012 ông đã cho bà Lê Thị Y vay tổng cộng là 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc giấy viết tay ghi ngày 12/11/2017 và các bản phô tô giấy vay nợ ghi các ngày 08/3/2011, 18/12/2012, 09/5/2012. Tại biên đối chất, biên bản hòa giải được lập ngày 18/6/2021 tại Tòa án, bị đơn bà Lê Thị Y thừa nhận có vay của ông Nguyễn Anh T nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999 đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ xác định trong các năm 2011 và 2012 giữa ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Y có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền, vàng đã vay là 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999, việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 471, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Bị đơn bà Lê Thị Y cho rằng đã trả nợ cho ông T 10 chỉ vàng, không nhớ thời gian trả chỉ nhớ trước khi bà bị vỡ nợ bỏ đi Miền Nam làm ăn và năm 2017 được ông T đồng ý cho xóa hết nợ còn lại, do sơ suất bà không lấy lại giấy vay gốc nhưng không được ông Nguyễn Anh T công nhận. Xét thấy, ngoài lời khai của mình thì bà Y không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh đã trả nợ cho ông T 10 chỉ vàng và được ông T cho xóa nợ; mặt khác năm 2017 bà Y còn ký giấy chốt nợ với ông T, công nhận còn nợ 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng, ông T vẫn giữ bản gốc giấy xác nhận nợ ghi ngày 12/11/2017 có chữ ký của bà Y. Như vậy lời khai đã trả nợ xong của bà Y là không có căn cứ nên yêu cầu đòi nợ gốc số tiền 40.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999 của ông Nguyễn Anh T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về việc trả lãi: Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Anh T yêu cầu bà Lê Thị Y phải trả lãi của số tiền vay gốc theo mức lãi suất là 1%/tháng, không tính lãi vàng. Bà Y trình bày sau khi vay tiền, vàng của ông T đã trả lãi cho ông T với mức lãi suất cao và đều gửi lãi thông qua chị Trần Thị H để đưa cho ông T. Ông T không công nhận đã tính lãi suất cao cho bà Y. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà Y cung cấp địa chỉ của chị H để xác minh làm rõ việc trả lãi của bà Y nhưng bà Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H nên Tòa án không triệu tập được chị H tham gia tố tụng. Bà Y cũng không có yêu cầu gì về việc xem xét số tiền lãi đã trả. Tại bản tự khai ngày 12/5/2021 và tại phiên tòa ông T đã rút lại yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả nợ gốc nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết về lãi của ông T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Ông Nguyễn Anh T trình bày ông chỉ cho bà Lê Thị Y vay tài sản, ông không giao dịch với chồng bà Y là ông Trần Thế H nên ông không yêu cầu ông H trả nợ. Xét thấy mặc dù bà Y vay tài sản của ông T trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Thế H nhưng bà Y, ông T không có chứng cứ chứng minh bà Y vay tiền để chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không có cơ sở xác định trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Thế H.

[9] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Giá vàng loại 9999 trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 03/8/2021 là 5.696.000 đồng/chỉ được xác định làm cơ sở thanh toán giữa các bên và tính án phí.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị Y.

Buộc bà Lê Thị Y phải trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và 20 (Hai mươi) chỉ vàng loại 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả nợ lãi đối với tiền gốc đã vay của ông Nguyễn Anh T đối với bà Lê Thị Y.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.696.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên